

<p>Bài tập 5 (M4): Yêu cầu học sinh tìm và sau đó báo cáo với giáo viên.</p>	<p>14 – 8 = 6 14 – 4 – 4 = 6 - Báo cáo kết quả với giáo viên.</p>
<p>3. HĐ vận dụng, ứng dụng: (2 phút) - Giáo viên nhắc lại nội dung tiết học. -T/C: Truyền điện +Nội dung đọc thuộc một số phép tính của bảng cộng, trừ trong phạm vi 100 - Giáo viên nhận xét tiết học, tuyên dương học sinh tích cực</p>	
<p>4.HĐ sáng tạo: (1 phút) - Về nhà giải bài toán về ít hơn. + <i>Buổi sáng cửa hàng bán được 74 lít nước mắm, buổi chiều bán được ít hơn buổi sáng 18 lít nước mắm. Hỏi buổi chiều cửa hàng bán được bao nhiêu lít nước mắm?</i> - Giáo viên nhận xét tiết học - Dặn học sinh về xem lại bài học trên lớp. Xem trước bài ôn tập tiếp theo.</p>	

TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI:

PHÒNG TRÁNH NGÃ KHI Ở TRƯỜNG

(Chương trình hiện hành)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Kể tên những sinh hoạt dễ ngã, nguy hiểm cho bản thân và cho người khác khi ở trường.

2. Kỹ năng: Học sinh biết cách xử lý khi bản thân hoặc người khác bị ngã.

3. Thái độ: Giáo dục học sinh yêu thích môn học.

4. Năng lực: Góp phần hình thành và phát triển năng lực tự học, NL giao tiếp – hợp tác, NL giải quyết vấn đề, NL tư duy logic, NL quan sát,...

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng dạy học:

- Giáo viên: Sách giáo khoa, tranh minh họa.
- Học sinh: Sách giáo khoa.

2. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thảo luận nhóm, thực hành, trò chơi học tập.
- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, kỹ thuật khăn trải bàn, động não
- Hình thức dạy học cả lớp, theo nhóm, cá nhân.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

Hoạt động dạy	Hoạt động học
<p>1. HĐ khởi động: (5 phút)</p>	
<p>-GV kết hợp cùng TBHT tổ chức T/C: “Hái hoa dân chủ” - Nội dung chơi: + Hãy kể các thành viên trong nhà trường?</p>	<p>-HS tham ra chơi +Hiệu trưởng, cô giáo,...</p>

<p>+ Hãy nêu công việc của từng thành viên trong nhà trường và vai trò của họ đối với trường học?</p> <p>+ Em có thái độ như thế nào đối với các thành viên đó?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cả lớp, giáo viên theo dõi nhận xét. - Giáo viên nói: Các em đã học và biết phòng tránh ngộ độc khi ở nhà. Hôm nay, thầy sẽ hướng dẫn các em biết cách “Phòng tránh ngã khi ở trường”. - Giáo viên ghi tựa bài lên bảng. 	<p>+ Dạy học,...</p> <p>+ Ra sức học tập tốt, lao động tốt, chăm ngoan,...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nhận xét. - Lắng nghe. <p>- Mở sách giáo khoa, 1 vài học sinh nhắc lại tên bài.</p>
<p>2. HD hình thành kiến thức mới: (25 phút)</p> <p>*Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kể tên những hoạt động hay trò chơi dễ gây ngã và nguy hiểm cho bản thân và cho người khác khi ở trường. - Học sinh có ý thức trong việc chọn và chơi những trò chơi để phòng tránh ngã khi ở trường. <p>*Cách tiến hành:</p>	
<p>Việc 1: Làm việc với sách giáo khoa.</p> <p>*Mục tiêu: Kể tên những hoạt động hay trò chơi dễ gây ngã và nguy hiểm cho bản thân và cho người khác khi ở trường.</p> <p>*Cách tiến hành: Làm việc cá nhân – Làm việc theo cặp – Chia sẻ trước lớp</p> <p>Bước 1: Động não.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên nêu câu hỏi: + Hãy kể tên những hoạt động dễ gây nguy hiểm ở trường. - Cả lớp, giáo viên theo dõi. Giáo viên ghi các ý kiến lên bảng lớp. <p>Bước 2: Làm việc theo cặp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên yêu cầu học sinh quan sát các hình 1, 2, 3, 4 trong sách giáo khoa trang 36, 37 theo gợi ý sau. - Chỉ và nói hoạt động của các bạn trong từng hình. - Hoạt động nào dễ gây nguy hiểm? <p>Bước 3: Làm việc cá lớp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mời 1 số học sinh trình bày. - Nêu hoạt động ở bức tranh 1? - Nêu hoạt động ở bức tranh 2? 	<ul style="list-style-type: none"> + Học sinh suy nghĩ chia sẻ ý kiến (mỗi học sinh nói 1 câu): + Đuổi bắt + Chạy nhảy + Đu quay, ... <p>- Quan sát tranh và trả lời.</p> <p>*Dự kiến ND chia sẻ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhảy dây, đuổi bắt, trèo cây, đu quay. - Nhoài người ra khỏi cửa sổ tầng 2 vin cây để hái quả.

<p>- Bức tranh 3 minh họa gì ?</p> <p>- Bức tranh 4 vẽ gì?</p> <p>- Trong các hoạt động trên hoạt động nào dễ gây nguy hiểm?</p> <p>- Nên học tập những hoạt động nào?</p> <p>- Giáo viên phân tích mức độ nguy hiểm ở mỗi hoạt động và kết luận. => Gv kết luận: Những hoạt động: chạy đuổi nhau trong sân trường, chạy và xô đẩy nhau ở cầu thang, trèo cây, với cành cây qua cửa sổ trên lầu,... là rất nguy hiểm không chỉ cho bản thân mà đôi khi còn gây nguy hiểm cho các bạn khác.</p> <p>Việc 2: Thảo luận: Lựa chọn trò chơi bổ ích</p> <p>*Mục tiêu: Học sinh có ý thức trong việc chọn và chơi những trò chơi để phòng tránh ngã khi ở trường.</p> <p>*Cách tiến hành: Làm việc theo nhóm</p> <p>– Chia sẻ trước lớp</p> <p>Bước 1: Làm việc theo nhóm.</p> <p>- Yêu cầu thảo luận theo nhóm.</p> <p>- Yêu cầu mỗi nhóm chọn một trò chơi tổ chức chơi theo nhóm ngoài sân 10 phút.</p> <p>Bước 2: Làm việc cả lớp.</p> <p>Thảo luận theo các câu hỏi.</p> <p>- Nhóm em chơi trò gì?</p> <p>- Theo em trò chơi này có gây ra tai nạn cho bản thân và các bạn khi chơi không?</p> <p>- Em cần lưu ý điều gì trong khi chơi trò chơi này để khỏi gây ra tai nạn?</p> <p>- Yêu cầu từng em trình bày kết quả.</p> <p>- Lắng nghe, nhận xét bổ sung ý kiến học sinh.</p> <p>Việc 3: Làm phiếu bài tập: Làm việc theo nhóm – Chia sẻ trước lớp</p> <p>- Giáo viên chia lớp thành 4 nhóm và phát cho mỗi nhóm 1 phiếu bài tập.</p> <p>- Yêu cầu các nhóm thi đua xem trong cùng 1 thời gian, nhóm nào viết được nhiều ý trong phiếu bài tập là nhóm đó</p>	<p>- Một bạn trai đang đẩy một bạn khác trên cầu thang.</p> <p>- Các bạn trật tự lên xuống cầu thang theo hàng ngay ngắn.</p> <p>- Đuổi bắt, trèo cây, xô đẩy, nhào người ra ngoài hái hoa,...</p> <p>- Hoạt động vẽ ở bức tranh 4 lên xuống cầu thang trật tự.</p> <p>- Học sinh lắng nghe.</p> <p>- Học sinh lắng nghe, nhiều em nhắc lại.</p> <p>- Trao đổi để chơi trò chơi theo gợi ý</p> <p>-Thực hiện trò chơi theo nhóm ngoài sân.</p> <p>- Các nhóm trao đổi trả lời câu hỏi.</p> <p>- Nêu tên trò chơi.</p> <p>- Nhận xét về hoạt động của trò chơi.</p> <p>- Đưa ra những điều cần lưu ý.</p> <p>- Trình bày trước lớp .</p> <p>- Các nhóm khác nghe nhận xét bổ sung</p> <p>- Nhận phiếu bài tập.</p> <p>- Các nhóm trao đổi thảo luận trong nhóm ghi tên những hoạt động nên và không nên làm để giữ an toàn cho bản</p>
---	---

<p>thắng. Phiếu bài tập: - Nên và không nên làm gì để phòng tránh tai nạn khi ở trường? - Hãy điền vào 2 cột dưới đây những hoạt động nên và không nên làm để giữ an toàn cho mình và cho người khác khi ở trường?</p> <table border="1" data-bbox="191 453 764 617"> <tr> <th data-bbox="191 453 480 533">Hoạt động nên tham gia</th> <th data-bbox="480 453 764 533">Hoạt động không nên tham gia</th> </tr> <tr> <td data-bbox="191 533 480 617"></td> <td data-bbox="480 533 764 617"></td> </tr> </table>	Hoạt động nên tham gia	Hoạt động không nên tham gia			<p>thân và cho người khác. - Các nhóm thi làm vào phiếu. - Cử đại diện lên dán phiếu của nhóm mình lên bảng. - Lớp lắng nghe nhận xét nhóm bạn.</p>
Hoạt động nên tham gia	Hoạt động không nên tham gia				
<p>4. HĐ vận dụng: (3 phút) - Giáo viên chốt lại những phân chính trong tiết dạy - Giáo dục học sinh ý thức, hành động Nên và Không nên làm gì để phòng tránh tai nạn khi ở trường, lớp</p>					
<p>5. HĐ sáng tạo: (2 phút) - Dẫn học sinh biết và thực hiện những việc Nên và Không nên làm gì để phòng tránh tai nạn khi ở nhà cũng như khi ra đường. - Giáo viên nhận xét tiết học - Dẫn học sinh về xem lại bài học trên lớp, nhắc nhở học sinh vận dụng bài học vào cuộc sống.</p>					

Thứ tư ngày 25 tháng 12 năm 2019

LUYỆN TỪ VÀ CÂU:

TỪ VỀ VẬT NUÔI. CÂU KIỂU: AI THẾ NÀO?

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Nêu được các từ ngữ chỉ đặc điểm của loài vật trong tranh (BT1).
- Bước đầu thêm được hình ảnh so sánh vào sau từ cho trước và nói câu có hình ảnh so sánh (BT2, BT3)

2. Kỹ năng: Giúp học sinh mở rộng vốn từ ngữ và rèn kỹ năng viết câu.

3. Thái độ: Giáo dục học sinh yêu thích môn học.

4. Năng lực: Góp phần hình thành và phát triển năng lực: Tự chủ và tự học; Giao tiếp và hợp tác; Giải quyết vấn đề và sáng tạo; Ngôn ngữ; Văn học; Thẩm mỹ.

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng dạy học:

- Giáo viên: Thẻ từ ở bài 1, bảng phụ viết nội dung bài tập 2 và 3 .
- Học sinh: Vở bài tập Tiếng Việt

2. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, trò chơi học tập.
- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, “động não”
- Hình thức dạy học cả lớp, theo cặp, cá nhân.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC :

Hoạt động dạy	Hoạt động học
----------------------	----------------------

<p>1. HĐ khởi động: (3 phút)</p>	
<p>- TBHT điều hành trò chơi: Truyền điện: Tổ chức cho học sinh nối tiếp nhau đặt câu về từ chỉ đặc điểm của sự vật.</p> <p>- Giáo viên tổng kết trò chơi, nhận xét, tuyên dương học sinh.</p> <p>- Giới thiệu bài mới - Ghi đầu bài lên bảng.</p>	<p>- Học sinh tham gia chơi.</p> <p>- Lắng nghe</p> <p>- Học sinh mở sách giáo khoa và vở Bài tập</p>
<p>2. HĐ thực hành (27 phút)</p> <p>*Mục tiêu:</p> <p>- Nêu được các từ ngữ chỉ đặc điểm của loài vật trong tranh (BT1).</p> <p>- Bước đầu thêm được hình ảnh so sánh vào sau từ cho trước và nói câu có hình ảnh so sánh (BT2, BT3)</p> <p>*Cách tiến hành:</p>	
<p>+GV giao nhiệm vụ cho HS làm bài +CTHĐTQ điều hành HĐ chia sẻ</p> <p>Bài 1: Làm việc cá nhân – cả lớp</p> <p>- Treo bức tranh lên bảng.</p> <p>- Gọi một em đọc đề bài, đọc cả mẫu</p> <p>- Mời 4 em lên bảng nhận thẻ từ.</p> <p>- Yêu cầu lớp tự tìm các câu tục ngữ, thành ngữ, ca dao nói về các loài vật.</p> <p>(GV trợ giúp HS hạn chế hoàn thành BT)</p> <p>- Cho học sinh nhận xét.</p> <p>- Nhận xét bài làm học sinh.</p> <p>Bài 2: Làm việc cá nhân – Chia sẻ trước lớp</p> <p>- Mời học sinh nói câu so sánh</p> <p>- GV nhận xét chung.</p> <p>Bài 3: Làm việc cá nhân – chia sẻ cặp đôi - Chia sẻ trước lớp</p> <p>- Yêu cầu các cặp chia sẻ kết quả trước lớp</p> <p>- GV nhận xét chung.</p>	<p>- Lớp quan sát tranh minh họa .</p> <p>- Một em đọc đề, lớp đọc thầm theo.</p> <p>- 4 em lên bảng gắn thẻ từ dưới mỗi bức tranh.</p> <p><i>*Dự kiến ND chia sẻ:</i></p> <p>1. Trâu khỏe 2. Thỏ nhanh 3. Rùa chậm 4. Chó trung thành</p> <p>+ <i>Khỏe như trâu.</i> + <i>Nhanh như thỏ.</i> + <i>Chậm như rùa.</i> + <i>Đen như cuốc (...)</i></p> <p>- Nhận xét bài bạn trên bảng.</p> <p>- HS tự tìm hiểu yêu cầu của bài và làm bài.</p> <p><i>*Dự kiến ND chia sẻ:</i></p> <p>- Đẹp như tiên, cao như sếu, khỏe như voi, nhanh như gió, chậm như rùa, hiền như bụt, trắng như tuyết, xanh như lá cây, đỏ như máu.</p> <p>- Lớp nhận xét</p> <p>- HS tự tìm hiểu yêu cầu của bài và làm bài cá nhân.</p> <p>- Chia sẻ trong cặp.</p> <p>- HS chia sẻ kết quả</p> <p>- Lớp nhận xét</p>

Theo dõi, giúp đỡ đối tượng MI hoàn thành BT

3. HĐ vận dụng, ứng dụng: (3 phút)

- Hỏi lại tựa bài.
- Hỏi lại những điều cần nhớ.
- Nêu một số từ ngữ chỉ đặc điểm của loài vật (...)
- Giáo viên chốt lại những phần chính trong tiết học.

4. HĐ sáng tạo (2 phút)

- Thêm hình ảnh so sánh vào chỗ chấm: *Hiền như ... ; Trống như....* .
- Viết một đoạn văn khoảng 3– 5 câu có sử dụng hình ảnh so sánh
- Nhận xét tiết học. Tuyên dương những học sinh có tinh thần học tập tốt.
- Nhắc nhở học sinh về nhà xem lại bài đã làm, chuẩn bị bài sau.

TẬP VIẾT:

CHỮ HOA Ô, Ơ

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Viết đúng chữ hoa **Ô, Ơ** (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ), chữ và câu ứng dụng: **Ôn** (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ), **Ôn sâu nghĩa nặng** (3 lần)

2. Kỹ năng: Hiểu nội dung câu ứng dụng: **Ôn sâu nghĩa nặng** ý nói có tình nghĩa sâu nặng với nhau.

3. Thái độ: Rèn tính cẩn thận, chính xác. Yêu thích luyện chữ đẹp.

4. Năng lực: Góp phần hình thành và phát triển năng lực: Tự chủ và tự học; Giao tiếp và hợp tác; Giải quyết vấn đề và sáng tạo.

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng dạy học:

- Giáo viên: Mẫu chữ (cỡ vừa), bảng phụ viết sẵn mẫu chữ, câu ứng dụng trên dòng kẻ (cỡ vừa và nhỏ)
- Học sinh: Vở Tập viết – Bảng con.

2. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành.
- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, tia chớp.
- Hình thức dạy học cả lớp, cá nhân.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

Hoạt động dạy	Hoạt động học
1. HĐ khởi động: (5 phút)	
- TBVN bắt nhịp cho lớp hát tập thể -GV cho HS viết: +Viết bảng con chữ: <i>O</i> + Viết câu: <i>Ong bay bướm lượn</i> - Cho học sinh xem một số vở của những bạn	- Học sinh hát bài: <i>Chữ đẹp, nét càng ngoan</i> - Viết bảng con. -Nhận xét - Học sinh quan sát và lắng nghe

<p>viết đẹp giờ trước. Nhắc nhở lớp học tập các bạn</p> <p>- Giới thiệu bài mới - Ghi đầu bài lên bảng.</p>	<p>- Theo dõi</p>
<p>2. HĐ nhận diện đặc điểm và cách viết: (10 phút)</p> <p>*Mục tiêu: Biết viết chữ hoa theo cỡ vừa và nhỏ, chữ trong câu ứng dụng trên bảng con. Hiểu nghĩa câu ứng dụng.</p> <p>*Cách tiến hành: Hoạt động cả lớp</p>	
<p>Việc 1: Hướng dẫn quan sát, nhận xét:</p> <p>- Giáo viên treo chữ Ô, O' hoa (đặt trong khung)</p> <p>- Giáo viên hướng dẫn học sinh quan sát, nhận xét:</p> <p style="text-align: center;">Ô O'</p> <p>+ Chữ hoa Ô, O' giống và khác chữ hoa O ở chỗ nào?</p> <p>- Chỉ dẫn cách viết trên chữ mẫu.</p> <p>Việc 2: Hướng dẫn viết:</p> <p>- Nhắc lại cấu tạo nét chữ.</p> <p>- Nêu cách viết chữ.</p> <p>- Giáo viên viết mẫu chữ Ô, O' cỡ vừa trên bảng lớp vừa viết vừa nhắc lại cách viết, hướng dẫn học sinh viết trên bảng con.</p> <p>- Giáo viên nhận xét uốn nắn cho học sinh cách viết các nét.</p> <p>Việc 3: Hướng dẫn viết câu ứng dụng</p> <p>- Giáo viên giới thiệu câu ứng dụng.</p> <p>- Gọi học sinh đọc câu ứng dụng.</p> <p>- Giúp học sinh hiểu nghĩa câu ứng dụng: Ơn sâu nghĩa nặng ý nói có tình nghĩa sâu nặng với nhau.</p> <p>- Hướng dẫn học sinh quan sát nhận xét:</p> <p>+ Các chữ O, g, h cao mấy li?</p> <p>+ Con chữ s cao mấy li?</p> <p>+ Những con chữ nào có độ cao bằng nhau và cao mấy li?</p> <p>+ Đặt dấu thanh ở những chữ cái nào?</p> <p>+ Khoảng cách giữa các chữ như thế nào?</p> <p>- Giáo viên viết mẫu chữ Ô, O' (cỡ vừa và nhỏ).</p> <p>- Luyện viết bảng con chữ Ô, O'</p> <p>- Giáo viên theo dõi, uốn nắn. Lưu ý học sinh cách viết liền mạch.</p>	<p>-HS quan sát chữ mẫu.</p> <p>+Học sinh chia sẻ cặp đôi</p> <p>-> Thống nhất trước lớp:</p> <p>+ Các chữ Ô, O' giống như chữ O, chỉ thêm các dấu phụ (Ô có thêm dấu mũ, O' có thêm dấu râu).</p> <p>- Theo dõi, lắng nghe.</p> <p>- Học sinh quan sát.</p> <p>- Học sinh quan sát.</p> <p>- Học sinh đọc.</p> <p>- Học sinh lắng nghe, ghi nhớ.</p> <p><i>*Dự kiến ND chia sẻ:</i></p> <p>+ Cao 2 li rưỡi</p> <p>+ Cao hơn 1 li.</p> <p>+ Những con chữ n, â, u, i, a, ă có độ cao bằng nhau và cao 1 li.</p> <p>+ Đặt dấu ngã trên con chữ i trong tiếng nghĩa, dấu nặng dưới con chữ ă trong tiếng nặng</p> <p>+ Bằng 1 con chữ o</p> <p>- Quan sát.</p> <p>- Học sinh viết chữ Ô, O' trên bảng con.</p> <p>- Lắng nghe và thực hiện</p>

3. HĐ thực hành viết trong vở: (15 phút)

***Mục tiêu:** Học sinh trình bày đúng và đẹp nội dung trong vở tập viết.

***Cách tiến hành:** **Hoạt động cả lớp - cá nhân**

Việc 1: Hướng dẫn viết vào vở.

- Giáo viên nêu yêu cầu viết:
- + 1 dòng chữ **O**, **O** cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ
- + 1 dòng chữ **On** cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ
- + 3 dòng câu ứng dụng cỡ nhỏ
- Nhắc nhở học sinh tư thế khi ngồi viết và các lưu ý cần thiết.
- Giáo viên lưu ý học sinh quan sát các dấu chấm trên dòng kẻ của vở là điểm đặt bút.

- Quan sát, lắng nghe

- Lắng nghe và thực hiện

Việc 2: Viết bài:

- Giáo viên yêu cầu học sinh viết bài, từng dòng theo hiệu lệnh của giáo viên.
- Theo dõi, giúp đỡ học sinh viết chậm.

- Học sinh viết bài vào vở Tập viết theo hiệu lệnh của giáo viên.

Lưu ý theo dõi và giúp đỡ đối tượng MI

4. HĐ vận dụng: (3 phút)

- Giáo viên chấm một số bài.
- HS nhắc lại quy trình viết chữ O, O
- Nhận xét, tuyên dương những học sinh viết tốt.
- Trưng bày một số bài đẹp cho cả lớp lên tham khảo.
- Yêu cầu HS nhắc lại nội dung bài học, những điểm cần ghi nhớ khi viết chữ O, O

5. Hoạt động sáng tạo: (2 phút)

- Viết chữ hoa “**O**”, “**O**” và câu “**On sâu nghĩa nặng**” kiểu chữ sáng tạo.
- Về nhà tự luyện viết thêm cho đẹp hơn
- Nhận xét tiết học.
- Yêu cầu học sinh về hoàn thành nốt bài viết và tự luyện viết thêm cho đẹp.

TOÁN:

TIẾT 83: ÔN TẬP VỀ PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ (Tiếp theo)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Thuộc bảng cộng, trừ trong phạm vi 20 để tính nhẩm.
- Thực hiện được phép cộng, trừ có nhớ trong phạm vi 100.
- Biết giải bài toán về ít hơn, tìm số bị trừ, số trừ, số hạng của một tổng.

2. Kỹ năng: Rèn cho học sinh kỹ năng làm tính và giải toán.

3. Thái độ: Giáo dục học sinh tính cẩn thận, gọn gàng, khoa học. Yêu thích học toán.

*Bài tập cần làm: bài tập 1 (cột 1,2,3), bài tập 2 (cột 1,2), bài tập 3, bài tập 4.

4. Năng lực: Góp phần hình thành và phát triển năng lực: Tự chủ và tự học; Giải quyết vấn đề và sáng tạo; Tư duy và lập luận toán học; Mô hình hóa toán học; Giao tiếp toán học.

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng dạy học:

- Giáo viên: sách giáo khoa, bảng phụ.
- Học sinh: sách giáo khoa.

2. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, trò chơi học tập.
- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, tia chớp, kỹ thuật động não
- Hình thức dạy học cả lớp, cá nhân.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

Hoạt động dạy	Hoạt động học
1. HĐ khởi động: (5 phút)	
<ul style="list-style-type: none">- TBHT điều hành trò chơi: Đoán nhanh đáp số+Nội dung chơi: TBHT kết hợp GV đưa ra phép tính cộng hoặc trừ (các dạng đã học) để học sinh nêu kết quả.- Giáo viên nhận xét chung, tuyên dương học sinh.- Giới thiệu bài mới: Hôm nay chúng ta sẽ cùng cố về phép cộng, phép trừ trong phạm vi 100. Và đi tìm các thành phần chưa biết trong phép tính cộng, trừ.- Giáo viên ghi đầu bài lên bảng: Ôn tập về phép cộng và phép trừ (Tiếp theo)	<ul style="list-style-type: none">- Học sinh tham gia chơi.- Lắng nghe.- Học sinh mở sách giáo khoa, trình bày bài vào vở.
2. HĐ thực hành: (25 phút)	
*Mục tiêu: <ul style="list-style-type: none">- Thuộc bảng cộng, trừ trong phạm vi 20 để tính nhẩm.- Thực hiện được phép cộng, trừ có nhớ trong phạm vi 100.- Biết giải bài toán về ít hơn, tìm số bị trừ, số trừ, số hạng của một tổng.	
*Cách tiến hành:	
<ul style="list-style-type: none">*GV giao nhiệm vụ cho HS- GV trợ giúp HS hạn chế*TBHT điều hành HĐ chia sẻBài 1 (cột 1,2,3): Làm việc cá nhân – Cặp đôi- Chia sẻ trước lớp- Mời các tổ nối tiếp báo cáo kết quả.- Nhận xét bài làm học sinh.Bài 2 (cột 1,2): Làm việc cá nhân – Cặp đôi - Chia sẻ trước lớp.- Bài toán yêu cầu ta làm gì?- Khi đặt tính em cần chú ý điều gì?	<ul style="list-style-type: none">-HS thực hiện theo YC của GV+HS chia sẻ, tương tác:- HS tự tìm hiểu yêu cầu của bài và làm bài.- Kiểm tra chéo trong cặp.- Nối tiếp nhau mỗi em đọc kết quả 1 phép tính- Theo dõi nhận xét bài bạn thống nhất KQ (dự kiến)a) $7 + 5 = 12$ b) $16 - 8 = 8$ $5 + 7 = 12$ $14 - 7 = 7 (...)$- HS tự tìm hiểu yêu cầu của bài và làm bài.- Kiểm tra chéo trong cặp.- Đặt tính rồi tính.- Hàng đơn vị thẳng cột hàng

- Ta bắt đầu tính từ đâu tới đâu?
- Yêu cầu HS nối tiếp nhau nêu kết quả

- Nhận xét chung

Bài 3: Làm việc cá nhân – Cặp đôi - Chia sẻ trước lớp

- Bài toán yêu cầu làm gì?
- Viết lên bảng $x + 16 = 20$ và hỏi:
+ x là gì trong phép cộng $x + 16 = 20$?
- + Muốn tìm số hạng chưa biết ta làm thế nào?
- Mời học sinh chia sẻ kết quả của mình

- Viết lên bảng $x - 28 = 14$ và hỏi:
+ x là gì trong phép trừ $x - 28 = 14$?
- + Muốn tìm số bị trừ ta làm thế nào?
- Cho HS tiếp tục chia sẻ

- Viết lên bảng $35 - x = 15$ và hỏi:
+ x là gì trong phép trừ $35 - x = 15$?
- + Muốn tìm số trừ ta làm thế nào?
- HS chia sẻ kết quả

- Nhận xét chung

Lưu ý giúp đỡ để đối tượng M1 hoàn thành BT

🔴 Bài tập chờ:

Bài tập 3: Giáo viên đàm thoại với học sinh:

- Bài toán cho biết gì?
- Bài toán hỏi gì?
- Bài toán có dạng gì?
- Yêu cầu học sinh tự làm bài rồi báo cáo kết quả với giáo viên.

đơn vị, hàng chục thẳng cột hàng chục.

- Thực hiện từ phải sang trái.
- HS nối tiếp nhau nêu kết quả

(Dự kiến KQ):

$$\begin{array}{r} 36 \quad 100 \quad 100 \quad 45 \\ +36 \quad - 75 \quad - 2 \quad + 45 \\ \hline 72 \quad 25 \quad 98 \quad 90 \end{array}$$

- Nhận xét bài của bạn

- HS tự tìm hiểu yêu cầu của bài và làm bài.

- Kiểm tra chéo trong cặp.
- Tìm x.

- x là số hạng chưa biết.
- Lấy tổng trừ đi số hạng đã biết.
- Học sinh đọc kết quả:

$$x + 16 = 20$$

$$x = 20 - 16$$

$$x = 4$$

- x là số bị trừ.

- Lấy hiệu cộng số trừ.

- Học sinh chia sẻ kết quả

$$x - 28 = 14$$

$$x = 28 + 14$$

$$x = 42$$

- x là số trừ.

- Lấy số bị trừ trừ đi hiệu.

- HS chia sẻ kết quả của mình

$$35 - x = 15$$

$$x = 35 - 15$$

$$x = 20$$

- Nhận xét bài làm của bạn.

- Anh cân nặng 50 kg. Em nhẹ hơn 16 kg.

- Em cân nặng bao nhiêu kg?

- Dạng toán ít hơn.

- Học sinh làm bài rồi báo cáo với giáo viên:

Tóm tắt:

50 kg